

Mục lục

- LỜI GIỚI THIỆU - 3
- I. LỜI TIÊN ĐOÁN - 9
- II. GRAY - 35
- III. RẠNG ĐÔNG - 57
- IV. ĐÊM TRƯỚC - 73
- V. CHUẨN BỊ CHIẾN ĐẤU - 88
- VI. ASSOL CÒN LẠI MỘT MÌNH - 104
- VII. CON TÀU "BÍ MẬT" ĐỎ THẮM - 110

Lời giới thiệu

Được in lần đầu ở nước ta từ 25 năm trước, được tái bản nhiều lần sau đó, thiên truyện *Cánh buồm đỏ thắm* của nhà văn Nga A. Grin đã trở nên thân thuộc với nhiều thế hệ độc giả thơ trẻ của chúng ta. Dường như đó đã là cuốn sách mà mỗi lần xuất hiện lại có riêng những độc giả mới mẻ...

*
* *

A. Grin (tên thật là Alexander Grinevsky) sinh năm 1880 trong một gia đình nghèo túng. Tuổi thơ của ông đã trôi qua giữa những lời mắng mỏ, chì chiết của người cha với cuộc đời xúng xểng những xu hào... "Hoàn cảnh sống ấy dường như đã cố ý biến Grin thành kẻ tội phạm hoặc một gã phàm tục độc ác. Thật khó hiểu là bằng cách nào mà con người u uất ấy không những đã không bị vấy bẩn mà vẫn có thể giữ nguyên vẹn trong suốt cuộc đời khó nhọc của mình trí tưởng tượng phong phú khác thường, tình cảm trong sáng và nụ cười ngượng ngập" (K. Paustovsky).

Thiên truyện *Cánh bướm đỏ thắm* chan hoà ánh mặt trời và tình người đã được Grin viết vào những năm 1920 - 1921, là thời gian ông thoát khỏi cơn bệnh hiểm nghèo, đói ăn, thiếu mặc, không nhà, không cửa...

Ở một làng Kaperna hẻo lánh nọ, có cô bé xinh đẹp Assol mới sinh ra đã sớm mồ côi mẹ. Longren đã một mình "gà trống nuôi con" trong sự ghẻ lạnh của dân làng. Ông làm lũi đẽo những chiếc thuyền gỗ trắng nhỏ với cánh bướm bằng lụa đỏ thắm mang lên phố huyện bán lấy tiền nuôi con. Một lần, trên đường lên huyện giao đồ chơi của bố làm, cô bé Assol đã tình cờ lạc đến một con suối nhỏ trong vạt bên rừng xanh, tình cờ gặp ông già hát rong Egle. Vẻ đẹp ngời sáng thanh khiết của cô bé đã tạo nguồn cảm hứng cho ông già Egle nghĩ ra câu chuyện thần tiên về chàng hoàng tử mai sau sẽ đến với nàng thiếu nữ Assol trên con tàu có cánh bướm đỏ thắm...

Câu chuyện lạ lùng ấy đã ám ảnh Assol suốt những năm tháng tuổi thơ. Nó nâng đỡ em đi qua bao nhọc nhằn của cuộc sống thô trần, biến bố con em như thành kẻ "dở hơi" trước con mắt dân làng vốn chỉ biết "bán mặt cho đất, bán lưng cho trời"...

Nhưng cuộc đời như luôn có sự đềm bù. "Ở hiền gặp lành; ác giả ác báo...". Kẻ đã có dã tâm như chủ quán rượu Menners đã bị bão biển trừng phạt. Còn bố con Assol đã gặp điều tương chừng không thể: truyện cổ tích "Chàng hoàng tử và cánh bướm đỏ thắm" của ông già Egle tiên tri đã từ cõi mơ hiện về giữa đời thường trước bao ánh mắt lạ kì, sửng sốt...

Sống trên đời phải có ước mơ. Sống trên đời với tấm lòng nhân hậu, với tình yêu con người và thiên nhiên, yêu và say mê những việc làm có ích... thì sớm muộn điều mơ ước sẽ đến. Đừng bao giờ để sự trần trụi, thô bạo không ít khi vẫn gặp trong đời đè nén con người mình xuống, giết chết những ước mơ...

Đó có lẽ là lời nhắn nhủ thiết tha mà nhà văn A. Grin đã gửi đến chúng ta từ gần 100 năm trước qua thiên truyện chan chứa tình yêu thương, thơm ngát hương hoa và rực rỡ ánh mặt trời.

A. Grin mất năm 1932 tại Sary Krym, một thành phố nhỏ sum suê những cây dẻ lâu đời...

5 - 2006

Phan Hồng Giang

I. Lời tiên đoán

Longren là thuỷ thủ của con tàu Orion chở được ba trăm tấn. Anh làm việc trên con tàu đó đã mười năm và gắn bó với nó có lẽ còn thân thiết hơn là con với mẹ. Nhưng cuối cùng thì anh cũng phải rời bỏ con tàu.

Chuyện xảy ra như thế này. Vào một trong những chuyến về thăm nhà hiếm hoi, anh không thấy chị Mary, vợ anh, từ xa đứng trên ngưỡng cửa vẫy vẫy tay, rồi sau đó chạy tới đón anh, thở hỗn hển chùng như đứt hơi. Bên chiếc giường trẻ con - đồ vật mới trong căn nhà nhỏ của Longren - anh chỉ thấy bà hàng xóm với dáng vẻ đầy xúc động.

- Đã ba tháng rồi tôi phải chăm sóc nó đấy. - Bà hàng xóm nói. - Anh hãy nhìn con gái anh đi!

Longren lặng người, cúi xuống đứa trẻ tám tháng đang chăm chăm nhìn bộ râu dài của anh, rồi anh ngòì xuống, đầu cúi, tay vịn về bộ râu. Râu anh ướt đẫm vì mưa.

- Mary chết bao giờ hở bác? - Anh hỏi.

Người đàn bà kể lại câu chuyện buồn thảm, chốc chốc dừng lại nựng đứa bé và quả quyết rằng Mary đã được lên thiên đường. Khi Longren biết rõ câu chuyện thì thiên đường đối với anh chẳng sáng sủa hơn nhà chứa củi là bao nhiêu, và anh nghĩ rằng nếu như bây giờ có cả vợ anh thì ánh lửa của chiếc đèn nhỏ có thể là một niềm vui không gì thay thế được đối với người phụ nữ đã đi vào xứ sở huyền bí.

Chừng ba tháng trước, người mẹ trẻ gặp phải chuyện không may. Hơn nửa số tiền Longren để lại, Mary đã tiêu tốn vào việc chữa chạy sau lần đẻ khó, vào việc chăm sóc sức khoẻ cho đứa trẻ sơ sinh. Thêm nữa, Mary lại đánh mất một số tiền tuy không nhiều nhưng rất cần cho cuộc sống của hai mẹ con. Hoàn cảnh khó khăn đó đã buộc Mary phải đến nhà Menners vay tiền. Menners là chủ quán rượu, có một cửa hàng tạp hoá nhỏ. Y được coi là kẻ giàu có. Mary đến nhà y vào lúc sáu giờ tối. Gần bảy giờ, bà hàng xóm gặp chị trên đường đến thị trấn Liss. Mary vừa khóc vừa buồn bã kể rằng chị phải đi lên phố để cầm chiếc nhẫn cưới. Chị nói thêm rằng Menners đồng ý đưa tiền cho chị, nhưng đòi chị phải yêu hắn. Mary đành về không.

- Nhà cháu không còn gì ăn, bác ạ. - Chị nói với bà hàng xóm. - Cháu phải đi lên phố cố kiếm ít tiền, rồi hai mẹ con gắng lần hồi cho đến khi nhà cháu về.

Tối hôm đó trời vừa rét vừa có gió thổi, bà hàng xóm đã không ngăn được Mary đi lên phố vào ban đêm. “Cháu sẽ bị ướt, Mary ạ, trời đang lát phát mưa, cứ cái điệu gió này thì trời sắp mưa to đấy!”

Từ làng ven biển lên thị trấn Liss cả đi lẫn về nhanh cũng mất ít nhất ba giờ, nhưng Mary không nghe theo lời khuyên của bà hàng xóm. “Thôi, cháu không muốn quấy quả các bác nữa, - Mary nói, - gần như nhà nào cháu cũng từng vay bánh mì, chè hay bột. Dem cầm chiếc nhẫn này là xong thôi bác ạ”. Mary đi lên phố về, đến hôm sau thì lên cơn sốt cao, mê sảng. Trời đêm lạnh giá đã làm chị bị viêm phổi nặng - theo lời ông bác sĩ trên phố được bà già tốt bụng mời về cho biết. Một tuần sau, chiếc giường đôi của Longren đã trống không, bà hàng xóm dọn sang nhà anh ở để chăm sóc trẻ. Đối với một người đàn bà goá bụa cô đơn như bà thì việc đó không khó. “Thêm nữa, - bà nói tiếp, - không có đứa bé ấy thì cũng buồn”.

Longren đi lên phố, thôi việc, từ biệt bạn bè rồi trở về nhà nuôi nấng bé Assol. Khi đứa bé đi chửa vững thì bà hàng xóm còn ở lại trong nhà Longren, thay thế người mẹ quá cố chăm sóc nó. Nhưng khi Assol đi vững, bước qua được ngưỡng cửa, thì Longren quyết định sẽ tự mình nuôi dạy đứa trẻ. Anh cảm ơn bà hàng xóm đã tận tình giúp đỡ anh. Rồi từ đấy, anh sống cuộc đời cô đơn của người goá vợ, tập trung tất cả ý nghĩ, hi vọng, tình cảm và kỉ niệm của mình vào đứa trẻ.

Mười năm sống nay đây mai đó chỉ đem lại cho anh một số tiền rất nhỏ. Anh bắt đầu làm việc. Ít lâu sau, trong những cửa hiệu trên phố đã thấy bày bán những đồ chơi do chính tay anh khéo léo làm ra, những chiếc thuyền nhỏ, xuồng máy, thuyền buồm một boong, hai boong, tàu thủy, tàu tuần dương, tóm lại tất cả những gì anh đã gàn gỏi, những gì trong khi làm việc đã phần nào thay thế cho anh cuộc sống ồn ào ngoài cảng, thay thế được công việc đầy thơ mộng của những chuyến đi biển. Bằng công việc đó, Longren đã kiếm tiền để hai bố con có thể sống một cách tằn tiện. Vốn là người ít giao du, sau khi vợ mất, Longren lại càng trở nên kín đáo, ít cởi mở hơn. Vào những ngày lễ, thỉnh thoảng người ta thấy anh trong quán rượu, nhưng anh không bao giờ ngồi mà chỉ vội vàng uống một cốc rượu ngay tại quầy rồi ra về, đáp lại lời thăm hỏi của mọi người một cách vắn tắt: “xin chào”, “tôi đi nhé”, “vâng”, “không”, “cũng thường thôi”. Anh không thích tiếp khách. Khi có khách, anh khéo léo tỏ ý muốn họ về bằng những lời nói bóng gió xa xôi hay những cố do anh tưởng tượng ra. Những lúc ấy, khách chỉ còn cách là nghĩ ra một lí do nào đó để cáo từ. Phần anh cũng không thăm ai, vậy là giữa anh và dân làng có cái gì lạnh lùng ngăn cách. Nếu như việc làm đồ chơi của anh phụ thuộc nhiều vào công việc của dân làng thì quan hệ như thế có thể đem lại cho anh nhiều khó khăn. Thức ăn dự trữ và các thứ hàng cần thiết anh đều mua trên thị trấn - Menners không thể khoe khoang được rằng Longren đã mua hàng ở cửa hiệu của y, dù chỉ là một bao diêm. Anh tự mình làm mọi việc trong

nhà và tỏ ra rất chịu khó nuôi dạy con gái, một việc vốn phức tạp, không phải của đàn ông.

Assol đã lên năm tuổi. Khi em ngồi trên đui Longren, chăm chú mân mê chiếc áo gi-lê hay ngộ nghĩnh hát những bài ca thủy thủ, Longren thường dịu dàng cười với con, ngắm nghía gương mặt hiền lành, lanh lợi của con. Qua giọng hát con trẻ, những bài hát ấy gợi nhớ đến con gấu thất đại xanh đang vụng về nhảy múa. Vào thời gian đó có một chuyện xảy ra bao trùm bóng đen lên cả hai bố con.

Đạo ấy là đầu mùa xuân, thời tiết còn khắc nghiệt như mùa đông, nhưng theo một kiểu khác. Khoảng ba tuần liền, gió bắc từ phía biển thổi mạnh về miền đất lạnh.

Thuyền đánh cá được kéo lên bờ, xếp thành dãy dài trên bãi cát trắng tựa như vây lưng những con cá khổng lồ. Không ai dám đi biển lúc tiết trời như thế. Trên con đường duy nhất ở làng chẳng mấy khi gặp người nào rời khỏi nhà. Con lóc lạnh lẽo từ những ngọn đồi ven biển thổi thốc vào chân trời trống trải, biển không trung thành một trò tra tấn khắc nghiệt. Suốt từ sáng đến tối, khói toả trên những mái nhà dốc đứng trong làng Kaperna.

Nhưng những ngày gió bắc ấy lại làm Longren thích ra khỏi căn nhà nhỏ ẩm cúng hơn là vào những ngày mặt trời toả ánh vàng xuống mặt biển và làng Kaperna. Longren đi đến chiếc cầu nhỏ dựng trên những hàng cọc dài, rồi đứng ở tận cuối cầu mà ngậm tẩu hút thuốc dưới trời gió rét. Anh nhìn những con sóng bạc đầu nổi tiếp